

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2026

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Như Toàn
- Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 12-02-2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 19-12-2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06-02-2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thanh Th, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 7, khu G3B, phường V, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Thành Tr, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ 7, khu G3B, phường V, tỉnh Quảng Ninh (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh Th khai: Chị và anh Đỗ Thành Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04-9-2003 tại UBND phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường V, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn, chị và anh Tr sống hạnh phúc đến tháng 03-2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr đi làm xa, ít về nhà, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; chị và anh Tr đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Chị và anh Tr có 02 con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 10-11-2003 và Đỗ Anh Th1 sinh ngày 29-4-2010. Ly hôn, cháu Q đã thành niên, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đề nghị

Tòa án giao cháu Thư cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Th1. Hiện nay chị đang làm giám sát bộ phận buồng phòng tại khách sạn D với thu nhập hàng tháng là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Th1. Hiện nay, cháu Th1 đang sinh sống cùng chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh Tr tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Đỗ Thành Tr nhiều lần nhưng anh Tr vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 13-01-2026, con chung là cháu Đỗ Anh Th1 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu cho mẹ cháu là chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Tại biên bản làm việc ngày 20-01-2026, đại diện tổ 7, khu G3B, phường V, tỉnh Quảng Ninh cung cấp: theo giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyền số 01/2003 do chị Th cung cấp thể hiện chị Th và anh Tr đăng ký kết hôn đúng như chị Th đã khai. Sau khi kết hôn, chị Th và anh Tr chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường đi làm xa nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến nay, chị Th xin ly hôn anh Tr, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị Th và anh Tr có 02 con chung như chị Th đã khai. Hiện nay cháu Q đã thành niên và đang đi học đại học ở Hà Nội; còn cháu Th1 đang sinh sống cùng chị Th; hai cháu có sức khỏe bình thường. Đề nghị Tòa án giao cháu Th1 cho người có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của chị Th và anh Tr thì khu phố không rõ.

Tòa án đã thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Th có mặt, còn anh Tr vắng mặt không lý do. Do chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 32/QĐST-HNGĐ ngày 06-02-2026, Tòa án đã hoãn phiên tòa do anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt.

Ngày 06-02-2026, chị Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ các lời khai và yêu cầu khởi kiện như trên.

Tại phiên tòa:

Chị Th và anh Tr đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn về cơ bản đã chấp hành pháp luật tố tụng; còn bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh Tr. Giao con chung là Đỗ Anh Thư, sinh ngày 29-4-2010 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Con chung Đỗ Tú Q đã thành niên, phát triển bình thường nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Toà án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Vũ Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn là anh Đỗ Thành Tr, cư trú tại tổ 7, khu G3B, phường V, tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh thụ lý, giải quyết vụ án “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Th và anh Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai; tại phiên tòa, chị Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; còn anh Tr vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh Th và anh Đỗ Thành Tr tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04-9-2003 tại UBND phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là UBND phường V, tỉnh Quảng Ninh); nên hôn nhân của chị Th và anh Tr là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Th và anh Tr sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Tr thường đi làm xa nhà, vợ chồng không đồng cảm, chia sẻ với nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị Th và anh Tr đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau; nên chị Th và anh Tr đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân là tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Tr vắng mặt không lý do, không có quan điểm về việc chị Th xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng chị Th đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Tr; còn anh Tr vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, việc chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, được Toà án chấp nhận.

- Về con chung: Chị Th và anh Tr có 02 con chung là Đỗ Tú Q, sinh ngày 10-11-2003 và Đỗ Anh Th1, sinh ngày 29-4-2010.

Đối với cháu Q: hiện nay cháu đã thành niên, phát triển bình thường; đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Th1 chưa thành niên: ly hôn, chị Th đề nghị Tòa án giao cháu Th1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi cháu Th1. Tòa án xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên. Hiện nay, chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th1. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không có quan điểm về việc nuôi dưỡng cháu Th1. Tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng ngày 13-01-2026, cháu Th1 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Hiện nay chị Th đang làm giám sát bộ phận buồng phòng tại khách sạn D với thu nhập hàng tháng là 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*), đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Th1. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Th1, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, giao cháu Th1 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị Th không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th khai chị và anh Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về các nội dung trên. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp ngày 18-12-2025, chị Th đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, Điều 35 (sửa đổi bổ sung năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và

khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các khoản 1,2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh Th được ly hôn với anh Đỗ Thành Tr.

- Về con chung: con chung Đỗ Tú Q, sinh ngày 10-11-2003 đã thành niên, phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Giao con chung là Đỗ Anh Th1, sinh ngày 29-4-2010 cho chị Vũ Thị Thanh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh Đỗ Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Anh Th1. Anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh Th phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002609 ngày 18-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực I-Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Tố Nga

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi Cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Tố Nga

